

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP DỆT MAY HOÀ THỌ
☸☸☸

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC
☸☸☸



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN NĂM 2022





Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 28 tháng 6 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Trị Bà Trần Tường Anh Ông Nguyễn Ngọc Bình Ông Lê Quốc Ân Ông Nguyễn Văn Hải Ông Phạm Văn Tân	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2022)
--------------------------	---	--

Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thị Kim Khanh Ông Nguyễn Thanh Sơn Ông Vũ Ngọc Tú Ông Nguyễn Ngọc Cách	Trưởng ban Thành viên Thành viên (từ ngày 17 tháng 4 năm 2022) Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2022)
----------------------	---	---

Ban điều hành	Ông Nguyễn Văn Hải Bà Hoàng Thùy Oanh Bà Trần Tường Anh Ông Nguyễn Ngọc Bình Bà Trần Thị Hòa Châu Ông Phạm Ngọc Trung Ông Phan Văn Phước Ông Phan Quang Long Ông Nguyễn Phước Hoàng Ông Nguyễn Văn Cường Bà Nguyễn Thị Tường Long	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành (đến ngày 30 tháng 11 năm 2022) Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Kế toán trưởng
----------------------	---	--

Trụ sở đăng ký	36 Phố Ông Ích Đường Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ Thành phố Đà Nẵng Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

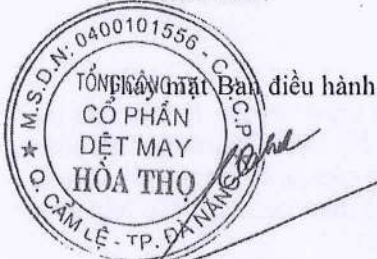
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 55 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Nguyễn Văn Hải
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số: 002403 Quyển số: 01/202...-SCT/BS

Ngày 08-06-2023

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Thị Bảo Khuyên



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 55.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00006-23-2



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3064-2019-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.602.874.533.011	1.605.615.707.684
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	24.500.930.736	58.586.417.754
Tiền	111		17.500.930.736	50.563.449.704
Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	8.022.968.050
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		139.255.000.000	119.955.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	139.255.000.000	119.955.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		460.474.879.436	528.809.007.805
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	447.460.848.580	485.922.363.886
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.934.866.168	43.995.355.569
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2.751.260.000	488.100.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	4.054.277.249	5.614.168.036
Dự phòng phải thu khó đòi	137	10	(7.726.372.561)	(7.210.979.686)
Hàng tồn kho	140	11	934.557.972.407	857.148.182.643
Hàng tồn kho	141		987.079.062.487	858.059.229.755
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(52.521.090.080)	(911.047.112)
Tài sản ngắn hạn khác	150		44.085.750.432	41.117.099.482
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	9.128.137.752	9.655.091.330
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		34.953.346.976	31.462.008.152
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		4.265.704	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		791.788.014.279	735.148.924.587
Các khoản phải thu dài hạn	210		10.651.446.545	3.959.430.014
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	7.614.280.000	994.100.000
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	3.037.166.545	2.965.330.014
Tài sản cố định	220		702.843.197.952	672.855.117.891
Tài sản cố định hữu hình	221	12	700.375.819.420	670.989.694.477
Nguyên giá	222		1.984.326.610.724	1.849.460.034.252
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.283.950.791.304)	(1.178.470.339.775)
Tài sản cố định vô hình	227	13	2.467.378.532	1.865.423.414
Nguyên giá	228		12.593.614.322	11.203.228.209
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.126.235.790)	(9.337.804.795)
Tài sản dở dang dài hạn	240		13.816.482.196	14.352.120.576
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	13.816.482.196	14.352.120.576
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	16.359.634.355	16.438.680.283
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		15.409.611.006	15.192.122.289
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.805.678.651)	(6.509.144.006)
Tài sản dài hạn khác	260		48.117.253.231	27.543.575.823
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	41.043.750.562	27.543.575.823
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	7.073.502.669	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.394.662.547.290	2.340.764.632.271

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

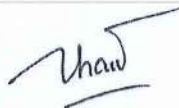
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.510.140.242.880	1.686.965.963.589
Nợ ngắn hạn	310		1.236.578.952.675	1.374.869.345.296
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	247.458.763.604	334.619.044.523
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.225.730.141	41.751.907.473
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	34.928.852.934	17.503.233.969
Phải trả người lao động	314		311.860.046.804	328.122.204.212
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	5.896.536.953	4.609.214.726
Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn	318		-	85.280.315
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	24.333.865.250	25.932.598.543
Vay ngắn hạn	320	21(a)	530.686.157.557	553.070.761.077
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	68.188.999.432	69.175.100.458
Nợ dài hạn	330		273.561.290.205	312.096.618.293
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		4.882.461.916	10.740.759.952
Vay dài hạn	338	21(b)	268.678.828.289	301.355.858.341
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		884.522.304.410	653.798.668.682
Vốn chủ sở hữu	410	23	884.522.304.410	653.798.668.682
Vốn cổ phần	411	24	300.030.750.000	236.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.030.750.000	236.250.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.752.940.000	1.176.340.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	178.026.784.321	140.963.518.580
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		362.110.088.453	234.646.810.143
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		98.761.374.269	46.452.467.056
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		263.348.714.184	188.194.343.087
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		42.601.741.636	40.761.999.959
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.394.662.547.290	2.340.764.632.271

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phạm Anh Thảo
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	5.144.986.273.741	3.863.898.632.011
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	456.833.533	389.047.465
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	5.144.529.440.208	3.863.509.584.546
Giá vốn hàng bán	11	29	4.542.575.229.048	3.419.666.898.562
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		601.954.211.160	443.842.685.984
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	95.611.671.041	39.005.529.724
Chi phí tài chính	22	31	81.115.346.231	28.372.540.293
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		24.700.898.629	17.396.599.401
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.503.088.717	2.867.426.555
Chi phí bán hàng	25	32	127.650.296.194	118.787.387.348
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	157.954.927.094	120.010.174.501
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		332.348.401.399	218.545.540.121
Thu nhập khác	31	34	6.435.880.836	4.495.492.819
Chi phí khác	32	35	1.343.384.668	1.611.265.593
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		5.092.496.168	2.884.227.226
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		337.440.897.567	221.429.767.347
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	76.444.548.146	19.977.619.246
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52		(7.073.502.669)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển sang trang sau)	60		268.069.852.090	201.452.148.101

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

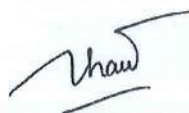
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (tràng trước mang sang)	60		268.069.852.090	201.452.148.101
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		263.348.714.184	188.194.343.087
Cổ đông không kiểm soát	62		4.721.137.906	13.257.805.014
Lãi trên cổ phiếu				Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	8.511	6.145

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phạm Anh Thảo
 Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		337.440.897.567	221.429.767.347
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		127.218.158.438	129.702.381.129
Các khoản dự phòng	03		52.421.970.488	(3.102.978.457)
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		10.890.005.636	(2.497.398.004)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(14.840.798.929)	(7.966.946.248)
Chi phí lãi vay	06		24.700.898.629	17.396.599.401
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		537.831.131.829	354.961.425.168
Biến động các khoản phải thu	09		54.614.289.794	(192.174.032.356)
Biến động hàng tồn kho	10		(129.019.832.732)	(338.891.667.621)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(157.795.613.479)	226.218.147.614
Biến động chi phí trả trước	12		(13.060.831.613)	1.297.597.782
			292.569.143.799	51.411.470.587
Tiền lãi vay đã trả	14		(24.653.480.570)	(17.354.200.327)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(55.187.867.925)	(13.611.111.352)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		381.616.911	437.134.054
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(12.480.734.299)	(6.798.901.349)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		200.628.677.916	14.084.391.613
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(136.921.452.716)	(86.131.195.101)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		881.568.619	300.454.546
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(272.382.440.000)	(209.550.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		244.199.100.000	113.772.000.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		12.431.307.590	4.792.878.254
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(151.791.916.507)	(176.815.862.301)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	11.250.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		3.955.451.541.865	3.249.426.632.623
Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.012.643.909.763)	(3.049.851.195.697)
Tiền trả cổ tức	36		(26.027.744.000)	(33.831.798.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(83.220.111.898)	176.993.638.426
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(34.383.350.489)	14.262.167.738
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		58.586.417.754	44.218.004.444
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		297.863.471	106.245.572
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	24.500.930.736	58.586.417.754

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phạm Anh Thảo
 Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

STT		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Tổng Công ty	
		31/12/2022	1/1/2022
	Công ty con		
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	76,88%	76,88%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	54,18%	54,18%
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	81,73%	81,73%
4	Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	74,49%	74,49%
5	Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	100%	100%
	Công ty liên kết		
1	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	32,14%	32,14%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	20,00%	20,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty và các công ty con có 10.339 nhân viên (1/1/2022: 9.807 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Riêng đối với báo cáo bộ phận, Tổng Công ty thực hiện trình bày số liệu làm tròn đến hàng nghìn như Thuyết minh 4.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu hợp nhất.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác trong báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể trực tiếp hoặc gián tiếp đến, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết này.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối trực tiếp hoặc gián tiếp các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

M.H.H
KỶ

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyên	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

W O R L D
C H I K
/ /
H

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm các chi phí thuê và sửa chữa cải tạo tài sản. Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày báo cáo và cho năm kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong hai lĩnh vực bao gồm may mặc và sản xuất sợi.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào vị trí địa lý của thị trường và khách hàng của Tổng Công ty và các công ty con. Ban điều hành Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh như sau:

- May mặc
- Sợi

	May mặc		Sợi		Loại trừ		Hợp nhất	
	2022 Nghìn VND	2021 Nghìn VND	2022 Nghìn VND	2021 Nghìn VND	2022 Nghìn VND	2021 Nghìn VND	2022 Nghìn VND	2021 Nghìn VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	3.938.531.710	2.736.630.142	1.206.454.564	1.127.268.490	-	-	5.144.986.274	3.863.898.632
Doanh thu giữa các bộ phận	137.828.007	104.462.494	58.056.128	71.121.477	(195.884.135)	(175.583.971)	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	4.076.359.717	2.841.092.636	1.264.510.692	1.198.389.967	(195.884.135)	(175.583.971)	5.144.986.274	3.863.898.632
Kết quả kinh doanh của bộ phận	496.182.790	240.676.431	105.771.421	203.166.255	-	-	601.954.211	443.842.686
Doanh thu tài chính							95.611.671	39.005.530
Chi phí tài chính							81.115.347	28.372.540
Phần lãi trong công ty liên kết							1.503.089	2.867.427
Chi phí không phân bổ							285.605.223	238.797.562
Kết quả hoạt động khác không phân bổ							5.092.496	2.884.226
Lợi nhuận trước thuế không phân bổ							337.440.897	221.429.767
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							76.444.548	19.977.619
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại							(7.073.503)	-
Lợi nhuận thuần sau thuế							268.069.852	201.452.148

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	May mặc		Sợi	Tổng cộng		
	31/12/2022 Nghìn VND	31/12/2021 Nghìn VND		31/12/2022 Nghìn VND	31/12/2021 Nghìn VND	
Tài sản của bộ phận	1.623.072.965	1.508.879.801	546.423.217	611.034.374	2.169.496.182	2.119.914.175
Tài sản không phân bổ					225.166.365	220.850.457
Tổng tài sản					2.394.662.547	2.340.764.632
Nợ phải trả của bộ phận	940.381.827	989.442.970	295.337.031	455.544.851	1.235.718.858	1.444.987.821
Các khoản nợ không phân bổ					274.421.385	241.978.143
Tổng nợ phải trả					1.510.140.243	1.686.965.964
Chi tiêu vốn					136.921.453	86.131.195
Khấu hao tài sản cố định hữu hình					126.342.117	128.802.431
Khấu hao tài sản cố định vô hình					788.431	742.296

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Thụy Điển
- Các vùng địa lý khác

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Thụy Điển Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022								
Tổng doanh thu của bộ phận	1.548.554.759	996.923.631	495.929.925	334.668.004	395.648.690	497.262.986	875.998.279	5.144.986.274
Kết quả kinh doanh của bộ phận	124.741.107	129.297.701	47.620.869	67.177.239	111.972.209	34.422.628	86.722.458	601.954.211
Thu nhập không phân bổ								97.114.760
Chi phí không phân bổ								366.720.570
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh								332.348.402
Thu nhập khác								6.435.881
Chi phí khác								1.343.385
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành								76.444.548
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại								(7.073.503)
Lợi nhuận thuần sau thuế								268.069.852

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Thụy Điển Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021								
Tổng doanh thu của bộ phận	1.084.625.660	564.999.158	433.361.785	272.058.529	425.305.541	369.810.596	713.737.363	3.863.898.632
Kết quả kinh doanh của bộ phận	74.078.466	67.485.515	34.307.693	66.803.115	59.895.680	21.153.984	120.118.233	443.842.686
Thu nhập không phân bổ								41.002.579
Chi phí không phân bổ								266.299.725
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh								218.545.540
Thu nhập khác								4.495.493
Chi phí khác								1.611.266
Thuế thu nhập doanh nghiệp								19.977.619
Lợi nhuận thuần sau thuế								201.452.148

Trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản bộ phận của Tổng công ty chỉ tập trung trong một vùng địa lý là Việt Nam.

Logo of Hòa Thọ Textile & Apparel Co., Ltd. (H.HT. * H.H.N.)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	167.344.719	117.040.289
Tiền gửi ngân hàng	17.333.586.017	50.446.409.415
Các khoản tương đương tiền	7.000.000.000	8.022.968.050
	24.500.930.736	58.586.417.754

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng hưởng lãi suất năm là 6% (1/1/2022: 3% năm).

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn	139.255.000.000	139.255.000.000	119.955.000.000	119.955.000.000
	139.255.000.000		119.955.000.000	

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, với lãi suất năm từ 4,9% đến 11,2% (1/1/2022: từ 3,3% đến 5,55% năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 43.000 triệu VND (1/1/2022: 30.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 21).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	31/12/2022					1/1/2022				
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:											
<i>Công ty liên kết</i>											
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	32,14%	14.846.135.496	-	642.800	32,14%	32,14%	15.192.122.289	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	563.475.510	-	400.000	20,00%	20,00%	-	-
					<u>15.409.611.006</u>	<u>-</u>				<u>15.192.122.289</u>	<u>-</u>
<i>Đơn vị khác</i>											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(505.678.651)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(209.144.006)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					<u>7.755.702.000</u>	<u>(6.805.678.651)</u>				<u>7.755.702.000</u>	<u>(6.509.144.006)</u>
					<u>23.165.313.006</u>	<u>(6.805.678.651)</u>				<u>22.947.824.289</u>	<u>(6.509.144.006)</u>

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Motives International (Hong Kong) Limited	139.903.797.596	139.699.775.309
Haggar Clothing Co.	91.560.398.308	126.145.167.202
Các khách hàng khác	215.996.652.676	220.077.421.375
	447.460.848.580	485.922.363.886

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 22.024 triệu VND (1/1/2022: 24.373 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của các công ty con (Thuyết minh 21(a)).

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	159.181.030	131.545.680
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ – Phú Ninh	-	99.706.524
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	12.829.156	-
	172.010.186	231.252.204

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	104.481.000	228.866.300
Tạm ứng nhân viên	1.107.894.840	1.218.142.241
Thuế nhập khẩu tạm nộp	1.207.210.507	1.190.743.899
Phải thu khác	1.634.690.902	2.976.415.596
	<hr/>	<hr/>
	4.054.277.249	5.614.168.036
	<hr/>	<hr/>

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Ký quỹ	2.450.000.000	2.450.000.000
Đặt cọc thuê mặt bằng	587.166.545	515.330.014
	<hr/>	<hr/>
	3.037.166.545	2.965.330.014
	<hr/>	<hr/>

9. Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Bên liên quan - công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh (*)	7.028.580.000	-
Các bên khác		
Phải thu dài hạn khác	585.700.000	994.100.000
	<hr/>	<hr/>
	7.614.280.000	994.100.000
	<hr/>	<hr/>

(*) Khoản cho vay không có đảm bảo, hưởng lãi suất 6,0%/năm và sẽ được thu hồi trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên 25 tháng 1 năm 2022.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2022			Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	1/1/2022		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND				Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn									
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt	Trên 3 năm	5.709.989.346	(5.709.989.346)	-	Trên 3 năm	5.709.989.346	(5.709.989.346)	-	
Công ty TNHH May Phú Tường	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.880.547.450	(2.016.383.215)	864.164.235	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.880.547.450	(1.440.273.725)	1.440.273.725	
Các khách hàng khác (*)	Trên 3 năm	-	-	-	Trên 3 năm	60.716.615	(60.716.615)	-	
		<u>8.590.536.796</u>	<u>(7.726.372.561)</u>	<u>864.164.235</u>		<u>8.651.253.411</u>	<u>(7.210.979.686)</u>	<u>1.440.273.725</u>	

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi

(7.726.372.561)

(7.210.979.686)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản phải thu khó đòi từ một số các khách hàng đã bị xóa sổ do không có khả năng thu hồi theo đánh giá của Ban điều hành.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	57.520.651.683	(4.022.010.507)	143.046.172.229	-
Nguyên vật liệu	293.527.557.391	(34.039.865.021)	249.105.703.724	-
Công cụ và dụng cụ	508.599.016	-	1.045.994.692	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	416.214.620.311	(4.356.132.106)	373.904.283.135	-
Thành phẩm	54.011.314.325	(9.657.502.023)	38.848.313.457	(708.667.048)
Hàng hóa	6.259.266.067	(445.580.423)	5.264.115.298	(202.380.064)
Hàng gửi đi bán	159.037.053.694	-	46.844.647.220	-
	987.079.062.487	(52.521.090.080)	858.059.229.755	(911.047.112)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có 238.074 triệu VND (1/1/2022: 2.778 triệu VND) hàng mua đang đi đường, nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm và hàng hóa được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 755.612 triệu VND (1/1/2022: 642.813 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và công ty con (Thuyết minh 21(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	425.963.448.531	1.249.268.643.283	70.175.602.659	8.619.762.098	95.432.577.681	1.849.460.034.252
Tăng trong năm	1.762.000.609	22.585.664.525	4.853.993.055	1.035.683.482	2.387.361.650	32.624.703.321
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	40.360.852.147	68.253.801.102	9.403.818.519	-	5.289.725.336	123.308.197.104
Phân loại lại	-	(3.406.316.277)	3.406.316.277	-	-	-
Thanh lý	-	(20.823.957.686)	(770.127.904)	(119.365.418)	(31.000.000)	(21.744.451.008)
Điều chỉnh lại	-	276.078.636	402.048.419	-	-	678.127.055
Số dư cuối năm	468.086.301.287	1.316.153.913.583	87.471.651.025	9.536.080.162	103.078.664.667	1.984.326.610.724
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	175.181.540.103	876.940.683.908	39.275.834.241	7.269.482.029	79.802.799.494	1.178.470.339.775
Khấu hao trong năm	23.861.880.546	86.651.817.377	7.698.132.243	635.822.418	7.494.464.407	126.342.116.991
Phân loại lại	-	(908.635.388)	908.635.388	-	-	-
Thanh lý	-	(20.638.599.343)	(750.827.756)	(119.365.418)	(31.000.000)	(21.539.792.517)
Điều chỉnh lại	-	276.078.636	402.048.419	-	-	678.127.055
Số dư cuối năm	199.043.420.649	942.321.345.190	47.533.822.535	7.785.939.029	87.266.263.901	1.283.950.791.304
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	250.781.908.428	372.327.959.375	30.899.768.418	1.350.280.069	15.629.778.187	670.989.694.477
Số dư cuối năm	269.042.880.638	373.832.568.393	39.937.828.490	1.750.141.133	15.812.400.766	700.375.819.420

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản cố nguyên giá 770.746 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2022: 675.332 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 381.667 triệu VND (1/1/2022: 404.751 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 21).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	11.203.228.209
Tăng trong năm	1.390.386.113
	<hr/>
Số dư cuối năm	12.593.614.322
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	9.337.804.795
Khấu hao trong năm	788.430.995
	<hr/>
Số dư cuối năm	10.126.235.790
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.865.423.414
Số dư cuối năm	2.467.378.532
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 7.913 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 7.138 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

142
T
H
G

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	14.352.120.576	4.180.723.801
Tăng trong năm	122.772.558.724	47.932.520.176
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(123.308.197.104)	(37.383.812.254)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(377.311.147)
Số dư cuối năm	13.816.482.196	14.352.120.576

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Máy móc thiết bị sọt	13.367.742.196	12.685.845.477
Các công trình khác	448.740.000	1.666.275.099
	13.816.482.196	14.352.120.576

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trả trước phí bảo hiểm	3.071.969.024	2.551.628.353
Công cụ và dụng cụ	1.359.748.228	2.985.481.637
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	498.110.110	592.958.334
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.198.310.390	3.525.023.006
	9.128.137.752	9.655.091.330

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	3.927.868.824	11.417.697.668	12.198.009.331	27.543.575.823
Tăng trong năm	-	14.512.210.356	16.283.366.820	30.795.577.176
Phân bổ trong năm	(87.610.452)	(11.060.543.232)	(5.765.809.941)	(16.913.963.625)
Thanh lý	-	(121.132.647)	(260.306.165)	(381.438.812)
Số dư cuối năm	3.840.258.372	14.748.232.145	22.455.260.045	41.043.750.562

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	6.727.647.141	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho – Công ty con	5%	345.855.528	-
		7.073.502.669	-

17. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Hultafors Group AB	41.205.311.087	44.776.318.875
Kwong Lung Enterprise Co., Ltd	12.736.138.715	36.430.638.305
Các nhà cung cấp khác	193.517.313.802	253.412.087.343
	247.458.763.604	334.619.044.523

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	5.023.685.489	16.103.745.493
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	18.462.790.590	8.334.074.082
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Phú Ninh	-	12.025.365
Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	3.694.955.511	2.430.308.000
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	7.859.651	14.783.300
	27.189.291.241	26.894.936.240

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

18. Thuế và phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.023.760.896	152.307.865.735	(156.564.822.426)	3.766.804.205
Thuế nhập khẩu	207.330.386	9.059.999.008	(9.210.349.356)	56.980.038
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.080.213.740	76.444.548.146	(55.187.867.925)	30.336.893.961
Thuế thu nhập cá nhân	188.574.250	5.693.992.834	(5.114.392.354)	768.174.730
Các loại thuế khác	3.354.697	14.240.213.587	(14.243.568.284)	-
	17.503.233.969	257.746.619.310	(240.321.000.345)	34.928.852.934

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Chi phí hoạt động	4.670.621.801	2.418.190.333
Chi phí lãi vay	423.529.852	376.111.793
Các khoản trích trước khác	802.385.300	1.814.912.600
	5.896.536.953	4.609.214.726

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	15.626.312.053	17.404.033.529
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	14.475.299
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	165.000.000
Ứng trước từ khách hàng cho các khoản chi hộ	2.506.906.124	2.703.517.178
Cổ tức phải trả	1.132.452.600	984.196.600
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	832.771.781	832.771.781
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.235.422.692	3.828.604.156
	24.333.865.250	25.932.598.543

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2022	Biến động trong năm			31/12/2022
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	506.899.307.014	3.955.508.741.865	(3.966.472.455.699)	(7.248.347.343)	488.687.245.837
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	46.171.454.063	41.729.639.214	(46.171.454.064)	269.272.507	41.998.911.720
	553.070.761.077	3.997.238.381.079	(4.012.643.909.763)	(6.979.074.836)	530.686.157.557

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	3,70%	315.182.355.128	205.675.587.086
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	3,70% - 4,20%	58.616.896.720	77.942.926.642
Vay ngân hàng 3 (i)	VND	1,56%	-	37.633.249.507
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	5%	21.820.622.789	18.266.492.510
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	1,40%	-	167.132.051.269
Vay ngân hàng 6 (i)	VND	2,10% - 2,20%	44.392.085.507	-
Vay ngân hàng 7 (ii)	VND	3,70%	48.375.285.693	-
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	8,40%	300.000.000	249.000.000
			488.687.245.837	506.899.307.014

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh số 6(a)), một số các khoản phải thu khách hàng (Thuyết minh 7), hàng tồn kho (Thuyết minh 11) và tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 12).
- (ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

(b) Vay dài hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Vay dài hạn	310.677.740.009	347.527.312.404
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(41.998.911.720)	(46.171.454.063)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>268.678.828.289</u>	<u>301.355.858.341</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	5,0%	2022	-	5.588.879.756
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	6,83%	2024	20.000.000.000	30.000.000.000
Vay ngân hàng 3 (i)	VND	5,40%	2025	77.131.077.962	99.659.602.309
Quỹ bảo vệ môi trường (i)	VND	2,60%	2025	4.030.000.000	5.270.000.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ (iii)	USD	SOFR + 0,7%	2039	209.516.662.047	207.008.830.339
				310.677.740.009	347.527.312.404

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình và hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 12 và Thuyết minh 6(a)).
- (ii) Khoản vay này không được đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) và có hạn mức là 9.042.587 USD.



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	69.175.100.458	72.523.791.358
Trích lập trong năm (Thuyết minh 23)	11.170.216.362	3.063.076.395
Tặng khác	381.616.911	437.134.054
Sử dụng trong năm	(12.537.934.299)	(6.848.901.349)
Số dư cuối năm	<u>68.188.999.432</u>	<u>69.175.100.458</u>

11/2022

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	225.000.000.000	-	131.581.249.354	93.703.298.049	27.705.259.573	477.989.806.976
Phát hành cổ phiếu	11.250.000.000	-	-	-	-	11.250.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu phát hành của công ty con	-	1.176.340.000	-	(1.176.340.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	188.194.343.087	13.257.805.014	201.452.148.101
Phân bổ vào các quỹ	-	-	9.382.269.226	(9.382.269.226)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(33.750.000.000)	(80.210.000)	(33.830.210.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.942.221.767)	(120.854.628)	(3.063.076.395)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	236.250.000.000	1.176.340.000	140.963.518.580	234.646.810.143	40.761.999.959	653.798.668.682
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	263.348.714.184	4.721.137.906	268.069.852.090
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	37.063.265.741	(37.063.265.741)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(23.625.000.000)	(2.551.000.000)	(26.176.000.000)
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 26)	63.780.750.000	576.600.000	-	(64.357.350.000)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(10.839.820.133)	(330.396.229)	(11.170.216.362)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	300.030.750.000	1.752.940.000	178.026.784.321	362.110.088.453	42.601.741.636	884.522.304.410

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.003.075	300.030.750.000	23.625.000	236.250.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.003.075	300.030.750.000	23.625.000	236.250.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.003.075	300.030.750.000	23.625.000	236.250.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần đã phát hành và đang lưu hành của các cổ đông như sau:

	31/12/2022			1/1/2022		
	Đã phát hành và đang lưu hành			Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	18.561.838	185.618.380.000	61,87%	14.615.621	146.156.210.000	61,87%
Các cổ đông khác	11.441.237	114.412.370.000	38,13%	9.009.379	90.093.790.000	38,13%
	30.003.075	300.030.750.000	100%	23.625.000	236.250.000.000	100%

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2022		2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	23.625.000	236.250.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	6.378.075	63.780.750.000	1.125.000	11.250.000.000
Số dư cuối năm	30.003.075	300.030.750.000	23.625.000	236.250.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

26. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 16 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 23.625 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 10%) và cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 63.781 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 27%) cho năm 2021 (2021: 33.750 triệu VND cho năm 2020, tương đương 15% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020).

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng một năm	28.338.752.963	20.540.730.148
Trong vòng hai đến năm năm	108.822.921.969	77.343.171.463
Sau năm năm	163.613.513.729	96.420.735.773
	300.775.188.661	194.304.637.384

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	227.196	5.316.327.203	436.015	9.853.729.499
EUR	-	-	221	5.616.408
		5.316.327.203		9.859.345.907

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn các dự án đầu tư sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	43.100.000.000	31.020.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	5.742.000.000	27.417.600.000
	48.842.000.000	58.437.600.000

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng và gia công may mặc	5.136.910.078.322	3.858.268.909.848
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	8.076.195.419	5.629.722.163
	5.144.986.273.741	3.863.898.632.011
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(456.833.533)	(389.047.465)
Doanh thu thuần	5.144.529.440.208	3.863.509.584.546

29. Giá vốn hàng bán

	2022 VND	2021 VND
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ gia công và may mặc	4.487.919.431.654	3.421.170.203.090
Giá vốn dịch vụ khác	3.045.754.426	2.716.341.937
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	52.309.318.378	211.392.410
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(699.275.410)	(4.431.038.875)
	4.542.575.229.048	3.419.666.898.562

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022	2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	12.263.307.590	4.624.878.254
Cổ tức được chia	168.000.000	168.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	83.157.458.319	31.706.974.093
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.497.398.004
Doanh thu hoạt động tài chính khác	22.905.132	8.279.373
	95.611.671.041	39.005.529.724

31. Chi phí tài chính

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	24.700.898.629	17.396.599.401
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	45.227.907.321	10.959.065.109
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.890.005.636	-
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	296.534.645	16.875.783
	81.115.346.231	28.372.540.293

32. Chi phí bán hàng

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	6.529.732.791	5.318.488.165
Chi phí vật liệu, bao bì	889.095.934	712.177.753
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.371.907.662	1.749.325.677
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.021.833.322	99.293.943.923
Chi phí khác	15.837.726.485	11.713.451.830
	127.650.296.194	118.787.387.348

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	75.980.195.111	65.452.749.928
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.839.423.508	2.768.849.645
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.922.454.527	10.988.009.024
Thuế, phí và lệ phí	12.673.545.336	3.875.697.356
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	576.109.490	1.139.792.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.174.903.473	14.639.294.230
Chi phí khác	24.788.295.649	21.145.782.093
	<hr/>	<hr/>
	157.954.927.094	120.010.174.501
	<hr/>	<hr/>

34. Thu nhập khác

	2022	2021
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	906.402.622	306.641.439
Các khoản thu nhập khác	5.529.478.214	4.188.851.380
	<hr/>	<hr/>
	6.435.880.836	4.495.492.819
	<hr/>	<hr/>

35. Chi phí khác

	2022	2021
	VND	VND
Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế	248.531.355	629.154.228
Các khoản chi phí khác	1.094.853.313	982.111.365
	<hr/>	<hr/>
	1.343.384.668	1.611.265.593
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.746.762.361.144	1.915.354.798.927
Chi phí nhân viên	1.331.474.227.105	1.136.679.987.620
Chi phí khấu hao và phân bổ	127.218.158.438	129.702.381.129
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	576.109.490	1.139.792.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	748.803.739.802	553.309.393.593

37. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	76.418.657.268	19.872.614.961
Dự phòng thiếu năm trước	25.890.878	105.004.285
	76.444.548.146	19.977.619.246
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(7.073.502.669)	-
	69.371.045.477	19.977.619.246

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	337.440.897.567	221.429.767.347
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	67.488.179.513	22.142.976.735
Ưu đãi thuế	(496.770.100)	(3.484.886.499)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(943.895.757)	76.993.534
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	-	419.127.223
Chi phí không được khấu trừ thuế	709.532.225	297.582.634
Thu nhập không bị tính thuế	(33.600.000)	(16.800.000)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận thuế hoãn lại	3.076.850.311	1.140.175.715
Lỗi tính thuế được sử dụng ở công ty con	(73.165.234)	(597.974.756)
Giảm thuế theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ở công ty con	-	(104.579.625)
Dự phòng thiếu năm trước	25.890.878	105.004.285
Giảm thuế (*)	(381.976.359)	-
	69.371.045.477	19.977.619.246

(*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ.

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Đối với Tổng Công ty

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 - 2021) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đối với các công ty con

Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ – Thăng Bình có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20%. Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con này được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2016 đến 2030), miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).

Các công ty con khác có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20%.

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại thời điểm lập báo cáo, chi tiết như sau:

(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2022 (Số cổ phiếu)	2021 (Số cổ phiếu) Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước	23.625.000	22.500.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 30 tháng 9 năm 2021	-	286.644
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 26)	6.378.075	6.075.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	30.003.075	28.861.644

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	2022	2021 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	263.348.714.184	188.194.343.087
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(8.000.000.000)	(10.839.820.133)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	255.348.714.184	177.354.522.954
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	30.003.075	28.861.644
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	8.511	6.145

(c) Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 26) theo quy định tại mục 24 của Chuẩn mực kế toán số 30 – Lãi trên cổ phiếu và việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23) như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	22.786.644	7.894
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu	6.075.000	(1.638)
Ảnh hưởng của việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(111)
Số điều chỉnh lại	28.861.644	6.145

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Cổ tức công bố và đã trả	14.615.621.000	21.923.431.500
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.435.733.519	1.756.851.818
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.958.594.950	19.359.892.147
Chi phí quản lý và lãi vay	6.454.974.769	3.507.645.104
Mua tài sản cố định	32.600.000.000	-
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.216.473.534	1.279.933.903
Mua hàng hóa và dịch vụ	89.428.986.872	57.881.256.557
Doanh thu bán tài sản cố định	229.492.494	113.447.714
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam		
Bán hàng hóa và dịch vụ	467.379.207	531.135.748
Mua hàng hóa và dịch vụ	108.394.147.998	74.639.037.251
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.285.600.000	1.285.600.000
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Bán hàng hóa và dịch vụ	11.878.848	883.181.123
Mua hàng hóa và dịch vụ	18.660.326	23.452.541
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Mua hàng hóa và dịch vụ	21.274.329.838	20.098.924.252
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Bán hàng hóa và dịch vụ	166.334.472	11.451.354.635
Mua hàng hóa và dịch vụ	353.063.010	11.542.612.641

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.748.248.966	1.314.157.804
Thành viên khác trong Ban điều hành		
Tiền lương và thưởng	14.305.138.365	11.127.071.372
Thành viên Ban kiểm soát		
Lương, thưởng và thù lao	688.876.730	463.587.917
Chủ tịch Hội đồng Quản trị		
Lương	2.277.829.021	1.795.681.779
Thù lao	-	237.378.222
Thành viên 1 của Hội đồng Quản trị		
Thù lao và thưởng	133.333.333	133.333.334
Thành viên 2 của Hội đồng Quản trị		
Thù lao	66.666.667	66.666.667
Thành viên 3 của Hội đồng Quản trị		
Thù lao	66.666.668	66.666.667
Thành viên 4 của Hội đồng Quản trị		
Thù lao và thưởng	322.222.219	299.999.997
Thành viên 5 của Hội đồng Quản trị		
Thù lao	66.666.668	66.666.667

40. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2022 VND	2021 VND
Bán tài sản cố định thông qua bù trừ công nợ	229.492.494	-
Chuyển từ quỹ khen thưởng phúc lợi sang vay ngắn hạn	57.200.000	50.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

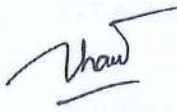
Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

41. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phạm Anh Thảo
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long
Kế toán trưởng



